|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HUYỆN PHỤNG HIỆP** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: 1002 /QĐ-UBND |  *Phụng Hiệp, ngày 19 tháng 02 năm 2019* |

# **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và số lượng**

 **người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với**

 **các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp khác**

 **trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp năm 2019**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp, số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 150/TTr-PNV ngày 13 tháng 02 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp, số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp năm 2019, cụ thể như sau:

1. Biên chế trong các cơ quan hành chính Nhà nước là **96** biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức là 92 biên chế.

- Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 04 biên chế.

2. Biên chế trong các đơn vị sự nghiệp khác là **75** biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức là 72 biên chế.

- Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 03 biên chế.

*(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm)*

**Điều 2.** Giao Trưởng Phòng Nội vụ phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng theo chỉ tiêu biên chế đã được phân bổ tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan và các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;- Chủ tịch UBND huyện;- CVP NC;- Lưu VT, NCĐ (07). |  |  **CHỦ TỊCH** |